

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NINH KIỀU  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25/3/2025

V/v: “Không công nhận  
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Dung

2. Bà Hồ Thị Kim Luyện

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Ngân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 16/2025/TLST-HN ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1974

Địa chỉ: 2 Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông Võ Văn L1, sinh năm 1962

Địa chỉ: 2 Khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và bản tự khai nguyên đơn – bà Trần Ngọc L trình bày:

Bà và ông Võ Văn L1 chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn do tính tình không phù hợp. Ông bà đã nhiều lần được địa phương hòa giải, bà cũng vì con mà duy trì mối quan hệ với ông L1. Nhưng nay nhận thấy tình cảm không thể hàn gắn, ông L1 không thay đổi tính tình nên bà dọn ra ngoài ở từ tháng 10/2024 cho đến nay. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Võ Văn L1.

Trong thời gian chung sống, bà và ông L1 có 02 con chung tên Võ Văn L2 (nam) sinh ngày 15/7/1999 (đã trưởng thành) và Võ Ngọc T (nữ) sinh ngày

12/8/2013. Hiện nay, cháu T vẫn sống cùng với ông L1 và anh trai là Võ Văn L2. Bà yêu cầu sau khi Tòa án xác định giữa bà và ông L1 không phải vợ chồng thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng. Nếu ông L1 không đồng ý để bé T ở với bà thì bà cũng đồng ý để ông L1 nuôi và bà được quyền tới lui thăm, chăm sóc con theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, bà và ông L1 không có tài sản chung, không có nợ chung.

Bị đơn ông Võ Văn L1 trình bày:

Ông và bà Trần Ngọc L chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, hai bên gia đình có gặp nhau để nói chuyện và thống nhất mối quan hệ giữa ông bà. Ông L1 trình bày về con chung, tài sản chung, nợ chung như bà L đã trình bày. Ông xác định trong thời gian ông bà chung sống cũng có những mâu thuẫn nhỏ như cự cãi nhau nhưng sau đó vui vẻ bình thường. Đến khoảng tháng 11/2024, bà L một mình dọn ra ngoài ở, ông không biết lý do tại sao. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà, ông cũng đã mong bà L suy nghĩ lại nhưng bà L kiên quyết giữ nguyên yêu cầu thì ông cũng đồng ý. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa:

Bà L và ông L1 có đơn xin vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục luật định. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc không công nhận quan hệ giữa bà L và ông L1 là vợ chồng, giao con chung chưa thành niên cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung do đương sự không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân gia đình về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Bị đơn ông Võ Văn L1 có nơi cư trú tại phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Ngọc L và ông Võ Văn L1 có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L và ông L1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L và lời trình bày của ông Võ Văn L1:

Bà L và ông L1 đều thống nhất trình bày ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng do không hiểu biết pháp luật nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình hai bên chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên bà L đã dọn ra ở riêng từ cuối năm 2024. Bà L xác định tình cảm của bà với ông L1 không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L1. Ông L1 mặc dù xác định còn tình cảm với bà L nhưng vì bà L kiên quyết giữ yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng nên ông cũng đồng ý. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà L về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông L1.

Về con chung: Bà L và ông L1 có 02 con chung tên Võ Văn L2 (nam) sinh ngày 15/7/1999 (đã trưởng thành) và Võ Ngọc T (nữ) sinh ngày 12/8/2013. Hiện nay cháu L2 và cháu T đang sinh sống cùng với ông L1. Do cháu L2 đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu T, ông L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Bà L cũng thống nhất giao cháu T cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Mặt khác, cháu T cũng có nguyện vọng được sinh sống cùng với ông L1. Do đó, giao cháu T cho ông L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ông L1 không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông L1 xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều về việc tuân theo pháp luật tố tụng và hướng giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng:*

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Ngọc L và ông Võ Văn L1 là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Võ Ngọc T (nữ) sinh ngày 12/8/2013 cho ông Võ Văn L1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông L1 không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm, chăm sóc và giáo dục con chung là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có đơn kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

2. Về án phí: Bà Trần Ngọc L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, căn trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0005615 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thì bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDQNK;
- CCTHADSQNK;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Thúy Mai**